

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

Tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Luân	Chủ tịch
Ông Bùi Nhật Truyền	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên
Bà Phạm Thị Anh Thư	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng Ban
Bà Tạ Thị Huệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Nhật Truyền	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đình Hường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Sỹ Khánh	Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán

Người đại diện trước Pháp luật của Công ty là Ông Bùi Nhật Truyền và Ông Nguyễn Duy Luân.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ban hành bởi Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Nhật Truyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Số: 164/2026/UHY- BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô**

Chúng tôi đã Kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 10 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 38 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Vấn đề liên quan đến xử lý và bàn giao tàu Đông Mai

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 và thuyết minh số 18, kể từ ngày 13/9/2014, theo Biên bản bàn giao tài sản số 09/2014/BBBG/ĐM-PVB ngày 13/9/2014 về việc xử lý công nợ theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng, Công ty đã bàn giao tàu Đông Mai cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Pvcombank) (ngân hàng đồng tài trợ vốn vay cùng Ngân hàng TMCP Hàng hải). Từ thời điểm này, Công ty không tiếp tục ghi nhận chi phí lãi vay phải trả và trích khấu hao tài sản cố định đối với con tàu. Tổng số lãi vay và khấu hao tại thời điểm ngừng ghi nhận lần lượt là hơn 713,6 triệu đồng và hơn 718,2 triệu đồng. Giá trị gốc vay và lãi vay phải trả liên quan đến con tàu là hơn 291 tỷ đồng đang được theo dõi trên khoản mục Phải trả dài hạn khác, trong khi giá trị còn lại của tàu Đông Mai là hơn 158,7 tỷ đồng hiện được theo dõi trên khoản mục Phải thu dài hạn khác.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Vấn đề liên quan đến xử lý và bàn giao tàu Đông Mai (tiếp)

Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến xử lý khoản nợ vay nêu trên (ngoài biên bản bàn giao tài sản), do đó chúng tôi không thể xác định được tính hợp lý của việc Công ty tạm dừng ghi nhận chi phí lãi vay phải trả, trích khấu hao tài sản cố định cũng như việc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định đối với tàu Đông Mai.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.4, tại ngày 31/12/2025, khoản lỗ lũy kế của Công ty là hơn 861,36 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 950,88 tỷ đồng), vốn chủ sở hữu âm hơn 721,56 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 811,20 tỷ đồng), các khoản Vay và nợ thuê tài chính đều đã quá hạn. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, trong năm 2024, Công ty đã ký kết hai thỏa thuận tái cơ cấu nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC), theo đó DATC mua lại các khoản nợ từ các ngân hàng cho vay. Một thỏa thuận đã hoàn thành và Công ty đã ghi nhận kết quả xử lý nợ trong năm 2024; thỏa thuận còn lại đang trong quá trình thực hiện và dự kiến sẽ tiếp tục được giảm trừ nợ khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030, với mục tiêu tạo lợi nhuận hàng năm trên cơ sở tái cấu trúc tài sản và nợ phải trả, tăng cường hiệu quả hoạt động và đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ.

Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động kinh doanh liên tục.

Vấn đề nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2026-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Trinh Thị Trang
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.635.756.907	96.686.566.429
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.048.150.192	8.395.887.287
Tiền	111		4.048.150.192	8.395.887.287
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.000.000.000	2.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	2.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.372.485.215	43.247.596.594
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.990.274.300	26.618.460.341
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	3.004.625.308	1.635.922.622
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	10.168.688.221	14.993.213.631
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.791.102.614)	-
Hàng tồn kho	140	9	4.259.504.702	11.420.674.238
Hàng tồn kho	141		4.259.504.702	11.420.674.238
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.955.616.798	31.122.408.310
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	406.160.950	1.064.402.003
Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.547.463.982	30.056.014.441
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.991.866	1.991.866
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		262.733.323.185	324.409.629.658
Các khoản phải thu dài hạn	210		158.839.296.366	168.125.905.791
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	8.314.367.406
Trả trước cho người bán dài hạn	212	10	-	571.391.601
Phải thu dài hạn khác	216	7	158.839.296.366	161.031.249.398
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	-	(1.791.102.614)
Tài sản cố định	220		77.256.174.120	112.408.003.319
Tài sản cố định hữu hình	221	13	77.256.174.120	112.408.003.319
- Nguyên giá	222		905.424.364.466	1.093.925.928.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(828.168.190.346)	(981.517.925.630)
Tài sản dở dang dài hạn	240	11	-	17.195.534.354
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	17.195.534.354
Tài sản dài hạn khác	260		26.637.852.699	26.680.186.194
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	26.637.852.699	26.680.186.194
TỔNG TÀI SẢN	270		339.369.080.092	421.096.196.087

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.060.937.080.644	1.232.300.218.097
Nợ ngắn hạn	310		535.153.666.776	61.144.450.258
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	31.313.280.894	21.444.203.649
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.992.311.553	2
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	389.925.807	550.669.013
Phải trả người lao động	314		9.950.699.320	11.350.757.011
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	329.443.069.352	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.896.914.985	6.801.152.968
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.778.025.654	1.351.703.705
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	157.388.195.301	19.644.720.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.243.910	1.243.910
Nợ dài hạn	330		525.783.413.868	1.171.155.767.839
Phải trả người bán dài hạn	331	14	-	10.675.021.971
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	1.869.228.113
Chi phí phải trả dài hạn	333	17	-	317.541.824.691
Phải trả dài hạn khác	337		291.030.252.528	297.445.773.084
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	234.753.161.340	543.623.919.980
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(721.568.000.552)	(811.204.022.010)
Vốn chủ sở hữu	410	19	(721.568.000.552)	(811.204.022.010)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.444.950.000	122.444.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.444.950.000	122.444.950.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.621.485.000	4.621.485.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.800.000.000	1.800.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(30.000)	(30.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.303.967.442	9.303.967.442
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(861.365.762.509)	(950.880.316.091)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(950.880.316.091)	(968.022.058.422)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		89.514.553.582	17.141.742.331
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.627.389.515	1.505.921.639
TỔNG NGUỒN VỐN	440		339.369.080.092	421.096.196.087

Hà Nội, ngày 4 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Trần Kim Ân

Trưởng Phòng
Tài chính - Kế toán

Trần Sỹ Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Nhật Truyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

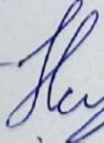
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	216.483.274.442	258.801.584.936
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		216.483.274.442	258.801.584.936
Giá vốn hàng bán	11	21	229.827.358.826	298.084.901.149
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(13.344.084.384)	(39.283.316.213)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.644.750.031	12.381.552.394
Chi phí tài chính	22	23	21.096.565.550	161.143.372.636
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.031.919.728</i>	<i>109.854.412.372</i>
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	20.442.676.690	20.273.340.800
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(53.238.576.593)	(208.318.477.255)
Thu nhập khác	31	25	160.696.161.726	227.378.147.504
Chi phí khác	32	26	17.645.512.490	1.937.685.555
Lợi nhuận khác	40		143.050.649.236	225.440.461.949
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		89.812.072.643	17.121.984.694
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		176.051.185	16.435.077
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.636.021.458	17.105.549.617
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		89.514.553.582	17.141.742.331
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		121.467.876	(36.192.714)
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70	28	7.311	1.400

Người lập biểu



Trần Kim Ân

Trưởng Phòng
Tài chính - Kế toán



Trần Sỹ Khánh

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc




Bùi Nhật Truyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		89.812.072.643	17.121.984.694
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		35.151.829.199	48.093.779.641
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.297.349.230	40.062.830.442
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(20.963.588.720)	(26.425.425.071)
Chi phí lãi vay	06		17.031.919.728	109.854.412.372
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		124.329.582.080	188.707.582.078
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.589.255.660	(2.768.631.723)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.161.169.536	(1.643.865.068)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(129.381.874.043)	(178.033.944.184)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		700.574.548	9.633.239.360
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.130.675.067)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(79.967.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.268.032.714	15.814.413.442
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		39.929.057.778	25.927.729.325
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.500.000.000)	(56.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	75.500.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.100.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(231.345.296)	1.674.714.758
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		39.197.712.482	47.107.544.083

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		6.600.000.000	400.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(64.166.668.600)	(89.061.979.304)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(57.566.668.600)	(88.661.979.304)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.100.923.404)	(25.740.021.779)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	8.395.887.287	35.159.049.263
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(246.813.691)	(1.023.140.197)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	4.048.150.192	8.395.887.287

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Trưởng Phòng
Tài chính - Kế toán

Tổng Giám đốc

Trần Kim Ân

Trần Sỹ Khánh

Bùi Nhật Truyền



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây được gọi là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Hàng hải Đông Đô theo Quyết định số 2315 ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105253 ngày 25/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đã đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/10/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 122.444.950.000 đồng chia thành 12.244.495 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/ cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2025 là 40 người (tại ngày 31/12/2024 là 42 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ vận tải biển.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy;
- Đại lý xăng dầu và vật tư kỹ thuật;
- Đại lý hàng hóa;
- Đại lý môi giới và vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh xếp dỡ kho và bãi cảng;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Cung ứng thuyền viên (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động).

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất Báo cáo tài chính:

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con			
- Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	72%	72%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động
Công ty liên doanh, liên kết			
- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (VDS)	49%	49%	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, sửa chữa máy móc thiết bị, dịch vụ vệ sinh tàu biển, đóng tàu và cấu kiện nồi, dịch vụ môi giới hàng hải; Vận tải hàng hóa Container bằng đường biển trong nước và quốc tế, dịch vụ logistics
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô	21%	21%	

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hải Phòng	Số 47 Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, TP Hải Phòng
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Lầu 2, 84-86 Nguyễn Trường Tộ, Phường Xóm Chiếu, TP Hồ Chí Minh

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****2.3 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các giao dịch và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày hợp nhất biệt trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này là:

Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô

- Địa chỉ: Số 47 Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, TP Hải Phòng, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 72%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 100%.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

2.4 GIÁ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2025, khoản lỗ lũy kế của Công ty là hơn 861,36 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 950,88 tỷ đồng), vốn chủ sở hữu âm hơn 721,56 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 811,20 tỷ đồng), các khoản Vay và nợ thuê tài chính đều đã quá hạn. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Năm 2024, Công ty đã ký kết hai thỏa thuận tái cơ cấu nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC), theo đó DATC mua lại các khoản nợ từ các ngân hàng cho vay. Cụ thể:

- Thỏa thuận thứ nhất đã được Công ty hoàn thành trong năm 2024 và công ty đã ghi nhận kết quả trong năm 2024.
- Thỏa thuận thứ hai được ký vào cuối năm 2024 và hiện đang trong quá trình thực hiện. Phần chênh lệch nợ gốc và lãi liên quan đã được giảm trừ 117,06 tỷ đồng trong năm 2025 và sẽ tiếp tục được giảm trừ trong thời gian tới.

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030, với mục tiêu tạo lợi nhuận hàng năm trên cơ sở tái cấu trúc tài sản và nợ phải trả, tăng cường hiệu quả hoạt động và đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ.

Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động kinh doanh liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.

- Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm công ty trong trường hợp cần thiết.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi và được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể, Công ty trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Thời gian sử dụng ước tính như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	04 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng,.... Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa lớn đội tàu.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí lãi vay và các khoản khác. Chi phí phải trả là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay hợp nhất biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến vận chuyển đường thủy và các khoản doanh thu dịch vụ khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Doanh nghiệp.

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại trong kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện. Báo cáo bộ phận được trình bày tại Báo cáo hợp nhất của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kiểm toán số 28 - Báo cáo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	690.925.302	438.673.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.357.224.890	7.957.213.945
	<u>4.048.150.192</u>	<u>8.395.887.287</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
	3.000.000.000	3.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	22.990.274.300	(1.791.102.614)	26.618.460.341	-
- Vina Bridge Shipping Co.,Ltd	9.198.198.997	(355.606.229)	5.801.727.586	-
- Hemisphere Trading and Transport Co.,Ltd	-	-	3.649.258.738	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	-	-	2.004.677.253	-
- Torna International Shipping Co.,Ltd	-	-	5.629.569.061	-
- Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc	-	-	2.126.672.280	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	3.205.078.064	-	3.205.078.064	-
- Các khoản khác	10.586.997.239	(1.435.496.385)	4.201.477.359	-
Phải thu dài hạn khách hàng	-	-	8.314.367.406	(1.791.102.614)
- Vina Bridge Shipping Co.,Ltd	-	-	2.037.352.041	(355.606.229)
- Các khoản khác	-	-	6.277.015.365	(1.435.496.385)
	22.990.274.300	(1.791.102.614)	34.932.827.747	(1.791.102.614)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	10.168.688.221	-	14.993.213.631	-
- Tạm ứng	3.455.856.622	-	9.395.931.535	-
- Đặt cọc, kỹ quỹ, ký cược	2.030.000.000	-	2.030.000.000	-
- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinaline Đông Đô (VDS)	1.245.722.926	-	-	-
- Phải thu bảo hiểm do sự cố tàu Đông Minh	1.825.537.000	-	-	-
- Các khoản khác	1.611.571.673	-	3.567.282.096	-
Dài hạn	158.839.296.366	-	161.031.249.398	-
- Đặt cọc, kỹ quỹ, ký cược	129.230.000	-	120.230.000	-
- Giá trị còn lại của Tàu Đông Mai (*)	158.710.066.366	-	158.710.066.366	-
- Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinaline	-	-	1.245.722.926	-
- Các khoản phải thu khác	-	-	955.230.106	-
	169.007.984.587	-	176.024.463.029	-

(*) Kể từ ngày 13/9/2014, theo Biên bản bàn giao tài sản số 09/2014/BBBG/ĐM-PVB ngày 13/9/2014 về việc xử lý công nợ theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng, Công ty đã bàn giao tàu Đông Mai cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Pvcombank) (ngân hàng đồng tài trợ vốn vay cùng Ngân hàng TMCP Hàng hải). Từ thời điểm này, Công ty không tiếp tục ghi nhận chi phí lãi vay phải trả và trích khấu hao tài sản cố định đối với con tàu. Tổng số lãi vay và khấu hao tại thời điểm ngừng ghi nhận lần lượt là hơn 713,6 triệu đồng và hơn 718,2 triệu đồng. Giá trị gốc vay và lãi vay phải trả liên quan đến con tàu là hơn 291 tỷ đồng đang được theo dõi trên khoản mục Phải trả dài hạn khác, trong khi giá trị còn lại của tàu Đông Mai là hơn 158,7 tỷ đồng hiện được theo dõi trên khoản mục Phải thu dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. NỢ XẤU

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Vận tải Thành Cường	22.912.500	(22.912.500)	-	22.912.500	(22.912.500)	-
- Vina Bridge Shipping Co., Ltd	355.606.229	(355.606.229)	-	355.606.229	(355.606.229)	-
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô	797.459.392	(797.459.392)	-	797.459.392	(797.459.392)	-
- Mihaud International Co., Ltd	10.216.500	(10.216.500)	-	10.216.500	(10.216.500)	-
- Shui Fong Pte., Ltd	21.634.334	(21.634.334)	-	21.634.334	(21.634.334)	-
- SL Shipping Land Pte., Ltd	583.273.659	(583.273.659)	-	583.273.659	(583.273.659)	-
	1.791.102.614	(1.791.102.614)	-	1.791.102.614	(1.791.102.614)	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.259.504.702	-	11.420.674.238	-
	4.259.504.702	-	11.420.674.238	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	3.004.625.308	-	1.635.922.622	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà rừng	-	-	165.310.200	-
- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại và Sản xuất Giang Châu	1.402.409.929	-	694.191.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Gia Minh Phúc	491.718.750	-	-	-
- Các khoản khác	1.110.496.629	-	776.421.422	-
Dài hạn	-	-	571.391.601	-
- Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	-	-	100.000.000	-
- Zeros Shipping Co., LTD.	-	-	81.588.435	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Xây dựng Tài nguyên nước	-	-	60.000.000	-
- Các khoản khác	-	-	329.803.166	-
	3.004.625.308	-	2.207.314.223	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Giá trị ụ nổi (*)	-	17.195.534.354
	-	17.195.534.354

(*) Công ty đã thực hiện ghi nhận vào chi phí khác theo Nghị quyết số 06.2025/NQ-HĐQT ngày 30/09/2025 của Hội đồng quản trị về việc xử lý các khoản liên quan đến chi phí xây dựng cơ bản dở dang của “Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sửa chữa tàu biển Đông Đô tại Hải Phòng”.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	406.160.950	1.064.402.003
- Chi phí bảo hiểm	391.534.201	1.033.885.042
- Các khoản khác	14.626.749	30.516.961
Dài hạn	26.637.852.699	26.680.186.194
- Chi phí sửa chữa lớn - Đội tàu	22.592.089.181	26.659.614.834
- Các khoản khác	4.045.763.518	20.571.360
	27.044.013.649	27.744.588.197

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2025	27.327.243.509	36.363.636	1.066.227.849.704	334.472.100	1.093.925.928.949
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(188.501.564.483)	-	(188.501.564.483)
Tại 31/12/2025	27.327.243.509	36.363.636	877.726.285.221	334.472.100	905.424.364.466
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2025	(13.315.764.495)	(36.363.636)	(967.831.325.399)	(334.472.100)	(981.517.925.630)
- Khấu hao trong kỳ	(745.415.424)	-	(34.406.413.775)	-	(35.151.829.199)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	188.501.564.483	-	188.501.564.483
Tại 31/12/2025	(14.061.179.919)	(36.363.636)	(813.736.174.691)	(334.472.100)	(828.168.190.346)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	14.011.479.014	-	98.396.524.305	-	112.408.003.319
Tại 31/12/2025	13.266.063.590	-	63.990.110.530	-	77.256.174.120

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2025 dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 63.831.577.595 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 97.991.532.300 đồng).

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2025 hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 361.291.011.145 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 309.202.373.690 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐỒ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
Ngắn hạn	31.313.280.894	31.313.280.894	21.444.203.649	21.444.203.649
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Quốc tế Đại Minh	1.848.674.420	1.848.674.420	5.890.566.148	5.890.566.148
- KPI Bridge Oil Ltd	-	-	3.417.190.740	3.417.190.740
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	1.655.897.691	1.655.897.691	1.655.897.691	1.655.897.691
- Công ty TNHH Alberta Việt Nam	1.668.501.012	1.668.501.012	1.012.450.000	1.012.450.000
- VINABRIDGE SHIPPING CO., LTD	-	-	3.644.658.518	3.644.658.518
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kim Việt	2.163.640.151	2.163.640.151	1.985.540.400	1.985.540.400
- Hemisphere Trading Transport Co., Ltd	4.222.149.750	4.222.149.750	-	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	1.597.958.370	1.597.958.370	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình Đường thủy Vinawaco	1.098.520.200	1.098.520.200	-	-
- Các khoản khác	17.057.939.300	17.057.939.300	3.837.900.152	3.837.900.152
Dài hạn	-	-	10.675.021.971	10.675.021.971
- Hemisphere Trading Transport Co., Ltd	-	-	4.222.149.750	4.222.149.750
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	-	-	1.597.958.370	1.597.958.370
- Công ty Cổ phần Công trình Đường thủy Vinawaco	-	-	1.098.520.200	1.098.520.200
- Các khoản khác	-	-	3.756.393.651	3.756.393.651
	31.313.280.894	31.313.280.894	32.119.225.620	32.119.225.620

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐỒ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	550.669.013	1.331.263.044	1.492.006.250	389.925.807
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	461.529.809	802.293.265	1.039.333.688	224.489.386
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.435.077	176.051.185	77.177.080	115.309.182
- Thuế thu nhập cá nhân	72.704.127	225.845.243	248.422.131	50.127.239
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	120.073.351	120.073.351	-
- Phí, lệ phí và các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
	550.669.013	1.331.263.044	1.492.006.250	389.925.807

	01/01/2025	Số đã thực thu/ phải nộp trong năm	Số thực nộp/ thu trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Phải thu	1.991.866	-	-	1.991.866
- Các loại thuế khác	1.991.866	-	-	1.991.866
	1.991.866	-	-	1.991.866

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Ngắn hạn	157.388.195.301	157.388.195.301	151.376.809.901	13.633.334.600	19.644.720.000	19.644.720.000
Vay cá nhân	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	150.788.195.301	150.788.195.301	144.776.809.901	13.633.334.600	19.644.720.000	19.644.720.000
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam	15.200.010.000	15.200.010.000	10.000	2.400.000.000	17.600.000.000	17.600.000.000
- Sở giao dịch (1)						
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - DATC (2)	22.466.669.200	22.466.669.200	33.700.003.800	11.233.334.600	-	-
+ Ngân hàng TNHH Indovina (3)	113.121.516.101	113.121.516.101	111.076.796.101	-	2.044.720.000	2.044.720.000
Vay dài hạn	234.753.161.340	234.753.161.340	-	308.870.758.640	543.623.919.980	543.623.919.980
Dài hạn	234.753.161.340	234.753.161.340	-	308.870.758.640	543.623.919.980	543.623.919.980
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch (1)	-	-	-	10.000	10.000	10.000
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - DATC (2)	234.753.161.340	234.753.161.340	-	201.302.061.884	436.055.223.224	436.055.223.224
- Ngân hàng TNHH Indovina (3)	-	-	-	107.568.686.756	107.568.686.756	107.568.686.756
Cộng	392.141.356.641	392.141.356.641	151.376.809.901	322.504.093.240	563.268.639.980	563.268.639.980

- (1) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch theo các Hợp đồng tín dụng số 01/2006/HĐTD và 06/2006/HĐTD với hạn mức tín dụng lần lượt là 81.000.000.000 VND và 122.778.000.000 VND, lãi suất 7,8%/năm. Tài sản đảm bảo là Tàu Đông Ba và Tàu Đông Phú.
- (2) Ngày 28/10/2024, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch và Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 32/2024/HĐMBN-DATC-AGRIBANK, theo đó DATC nhận mua lại khoản nợ của Công ty tại Agribank – Chi nhánh Sở Giao dịch với giá trị 160 tỷ đồng. Khoản nợ này được đảm bảo bằng các tài sản: Tàu Đông Phong (đổi tên thành Tàu Đông Thịnh), Tàu Đông Thanh (đổi tên thành Tàu Đông Minh), Tàu Đông Phú, Tàu Đông An. Trong năm Công ty đã được giảm trừ một phần lãi theo Quyết định số 28B/QĐ-HĐTV ngày 26/09/2025, theo đó khoản giảm trừ này đã được Công ty ghi nhận vào thu nhập khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Trong kỳ, Công ty đã thanh lý Tàu Đông Phong và tàu Đông An, toàn bộ số tiền thu được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ nợ đối với DATC.

- (3) Đây là phần dư nợ phải trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng đồng tài trợ số 01/IVBDD-PVFC/HDDTT/2008 ký ngày 07/03/2008 giữa Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đống Đa (IVB – ngân hàng đầu mối) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long (PVcombank – ngân hàng hợp vốn) về việc cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô. Sau khi IVB đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần cho vay của mình cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo thỏa thuận mua bán nợ số 01/2024/HĐMBN-DATC-IVB ngày 12/01/2024, phần nghĩa vụ cho vay này vẫn được tiếp tục duy trì với PVcombank theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Thuyết minh chi tiết số dư vay:

Số hợp đồng	Thời hạn (năm)	Lãi suất	Đơn vị	Tổng giá trị khoản vay	Số dư theo nguyên tệ tại 31/12/2025	Giá trị Quy đổi VND tại 31/12/2025	Trong đó Nợ dài hạn đến hạn trả (Quy đổi VND)	Tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch						15.200.010.000	15.200.010.000	
01/2006/HĐTD	10	7,80%	VND	81.000.000.000	-	15.200.000.000	15.200.000.000	Thế chấp tàu Đông Ba
06/2006/HĐTD	11	7,80%	VND	122.778.000.000	-	10.000	10.000	
(2) Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long (Ngân hàng TNHH Indovina)						4.288.642,23	113.121.516.101	113.121.516.101
2037/IVBDD- HDNH/2008	9	Sibor 6 tháng + 2,2%/năm	Sibor	12.665.000	4.288.642,23	113.121.516.101	113.121.516.101	Thế chấp tàu Đông Du
(3) Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam -DATC						257.219.840.540	22.466.669.200	
	3	7,4%	VND	496.055.223.233	-	257.219.840.540	22.466.669.200	Thế chấp tàu Đông Phú, tàu Đông Phong, tàu Đông An, tàu Đông Thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	329.443.069.352	-
Chi phí lãi vay phải trả	329.443.069.352	-
Dài hạn	-	317.541.824.691
Chi phí lãi vay phải trả	-	317.541.824.691
	329.443.069.352	317.541.824.691

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	2.778.025.654	1.351.703.705
- Kinh phí công đoàn	1.068.164.645	735.017.607
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	300.000.000	300.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.409.861.009	316.686.098
Dài hạn	291.030.252.528	297.445.773.084
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	291.030.252.528	297.445.773.084
+ Bảo hiểm Pjico tạm ứng cho sự cố bờ kè NMSCTB	-	5.532.374.371
+ Giá trị gốc và lãi vay phải trả - tàu Đông Mai (*)	291.030.252.528	291.030.252.528
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	883.146.185
	293.808.278.182	298.797.476.789

(*) Bao gồm cả gốc và lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Pvccombank, Công ty đã chuyển khoản vay này sang theo dõi tại khoản mục Phải trả khác khi thực hiện bàn giao tàu Đông Mai (xem thêm tại Thuyết minh số 7 – Phải thu khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND		VND
01/01/2024	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	1.800.000.000	9.303.967.442	(969.002.058.422)	2.522.114.353	(828.309.571.627)
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	980.000.000	(980.000.000)	-
- Lãi(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	17.141.742.331	(36.192.714)	17.105.549.617
31/12/2024	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	1.800.000.000	9.303.967.442	(950.880.316.091)	1.505.921.639	(811.204.022.010)
01/01/2025	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	1.800.000.000	9.303.967.442	(950.880.316.091)	1.505.921.639	(811.204.022.010)
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	89.514.553.582	121.467.876	89.636.021.458
31/12/2025	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	1.800.000.000	9.303.967.442	(861.365.762.509)	1.627.389.515	(721.568.000.552)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc
Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	59.965.730.000	49%	59.965.730.000	49%
Vốn góp của các đối tượng khác	62.479.220.000	51%	62.479.220.000	51%
Cộng	122.444.950.000	100%	122.444.950.000	100%

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	122.444.950.000	122.444.950.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	122.444.950.000	122.444.950.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.244.495	12.244.495
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	12.244.495	12.244.495
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3	3
+ Cổ phiếu phổ thông	3	3
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.244.492	12.244.492
+ Cổ phiếu phổ thông	12.244.492	12.244.492
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.303.967.442	9.303.967.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	205.968.873.091	255.706.725.795
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	10.514.401.351	3.094.859.141
	216.483.274.442	258.801.584.936

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	224.429.270.656	297.383.443.003
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	5.398.088.170	701.458.146
	229.827.358.826	298.084.901.149

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	231.345.296	1.153.646.272
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.413.404.735	11.222.806.122
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	5.100.000
	1.644.750.031	12.381.552.394

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	17.031.919.728	109.854.412.372
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	767.296.592	51.288.960.264
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	3.297.349.230	-
	21.096.565.550	161.143.372.636

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	11.922.510.213	13.411.540.883
- Chi phí vật liệu quản lý	220.159.903	287.934.727
- Chi phí đồ dùng văn phòng	169.082.681	274.553.778
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	760.625.088	837.104.970
- Thuế, phí và lệ phí	132.604.448	196.357.306
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.076.345.894	1.853.765.348
- Chi phí bằng tiền khác	5.161.348.463	3.412.083.788
	20.442.676.690	20.273.340.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu nhập từ tái cơ cấu nợ	117.068.724.083	199.387.087.393
- Thanh lý tài sản	37.927.777.778	25.266.678.799
- Chênh lệch giá nhiên liệu bàn giao tàu cho thuê (*)	163.694.020	-
- Tiền bồi thường bảo hiểm	5.532.531.083	2.723.478.307
- Các khoản khác	3.434.762	903.005
	160.696.161.726	227.378.147.504

(*) Năm 2025, Công ty ghi nhận thu nhập khác theo Quyết định số 28B/QĐ-HĐTV ngày 26/09/2025 của Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam v/v giảm trừ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô. Theo Quyết định này, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam đã chấp thuận giảm trừ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô đối với khoản nợ lãi chờ xử lý tại ngày 30/06/2025 với số tiền 117.068.724.083 đồng.

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.195.534.354	-
- Chênh lệch giá nhiên liệu bàn giao tàu cho thuê	443.024.709	1.808.436.857
- Các khoản chi phí khác	6.953.427	129.248.698
	17.645.512.490	1.937.685.555

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	76.813.247.031	75.413.967.135
- Chi phí nhân công	66.018.104.190	79.616.999.868
- Khấu hao tài sản cố định	35.202.826.783	48.093.779.641
- Thuế phí và lệ phí	132.604.448	194.357.306
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.339.552.282	109.460.346.429
- Chi phí bằng tiền khác	5.763.700.782	5.578.791.570
	250.270.035.516	318.358.241.949

28. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	89.514.553.582	17.141.742.331
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	-
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.244.492	12.244.492
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	7.311	1.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải biển	Dịch vụ khác	Tổng
Kết quả kinh doanh			
Doanh thu	186.484.326.787	29.998.947.655	216.483.274.442
Giá vốn	199.162.302.667	30.665.056.159	229.827.358.826
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(12.677.975.880)	(666.108.504)	(13.344.084.384)
Tài sản			
Tài sản bộ phận	332.242.317.328	7.126.762.764	339.369.080.092
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	332.242.317.328	7.126.762.764	339.369.080.092
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	1.059.622.423.290	1.314.657.354	1.060.937.080.644
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	1.059.622.423.290	1.314.657.354	1.060.937.080.644

Năm 2024

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải biển	Dịch vụ khác	Tổng
Kết quả kinh doanh			
Doanh thu	255.706.725.795	3.094.859.141	258.801.584.936
Giá vốn	297.383.443.003	701.458.146	298.084.901.149
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(41.676.717.208)	2.393.400.995	(39.283.316.213)
Tài sản			
Tài sản bộ phận	414.492.873.405	6.603.322.682	421.096.196.087
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	414.492.873.405	6.603.322.682	421.096.196.087
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	1.231.075.186.982	1.225.031.115	1.232.300.218.097
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	1.231.075.186.982	1.225.031.115	1.232.300.218.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>		
- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (VDS)	Công ty liên kết		
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô	Công ty liên kết		
Số dư với bên liên quan			
		31/12/2025	01/01/2025
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Vận tải container Đông Đô		797.459.392	797.459.392
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải Đông Đô		355.606.229	355.606.229
Phải trả người bán			
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinaline Đông Đô		97.685.000	97.685.000
Phải trả khác			
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô		24.850.000	24.850.000
Phải thu khác			
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinaline Đông Đô		1.245.722.926	1.245.722.926

53
TY
N
AI
ĐÔ
PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị		711.244.000	281.128.000
Ông Nguyễn Duy Luân	Chủ tịch HĐQT	471.244.000	109.901.000
Ông Trần Quang Toàn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	-	17.045.000
Bà Phạm Thị Anh Thư	Ủy viên HĐQT	60.000.000	10.182.000
Bà Phạm Thị Thu Hoài	Ủy viên HĐQT	60.000.000	48.000.000
Ông Bùi Nhật Truyền	Ủy viên HĐQT	60.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Ủy viên HĐQT	60.000.000	48.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc		1.200.931.000	1.549.054.000
Ông Bùi Nhật Truyền	Tổng Giám đốc	434.315.000	383.800.000
Ông Nguyễn Duy Luân	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	-	417.558.000
Ông Bùi Đình Hường	Phó Tổng Giám đốc	386.683.000	386.733.000
Ông Đỗ Minh Hà	Phó Tổng Giám đốc	379.933.000	360.963.000
Thù lao Ban Kiểm soát		156.000.000	77.818.000
Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	10.182.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	-	13.636.000
Bà Tạ Thị Huệ	Thành viên	48.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Cộng		2.068.175.000	1.908.000.000

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Trưởng Phòng
Tài chính - Kế toán

Tổng Giám đốc

Trần Kim Ân

Trần Sỹ Khánh

Bùi Nhật Truyền

